TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2023/HS-ST
Ngày: 16/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Anh - Cán bộ hưu trí xã Xuân Sơn Nam và bà Đặng Thị Duyên – Công chức UBND thị trấn La Hai.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà***: ông Bùi Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên toà trực tuyến để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số**:** 17/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Đinh Văn P - Sinh năm: 1989, tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ba Na; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Nguyễn Văn T - sinh năm: 1959 và bà: Nguyễn Thị G - sinh năm: 1965; Vợ: La O Thị N - Sinh năm 1990; Bị cáo có 02 con sinh năm 2011 và năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

***** Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn P – Ông Ngô Tấn Hải, Trợ giúp viên

pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên – có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã M, huyện D. Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Minh – Chủ tịch UBND xã M - Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: La O Thị N - Sinh năm: 1990; Trú tại: Thôn H, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2020, Đinh Văn P nói với vợ là La O Thị N cùng đi đến khu rừng trước đây cha, mẹ đã khai hoang, canh tác tại khu rừng có tục danh "Suối Voi" thuộc khoảnh 5, tiểu khu 67 xã M, huyện D, để phát dọn cây rừng lấy đất trồng lúa, trồng keo. Sau đó, P cùng với N mang theo rựa đi đến khu vực trên phát dọn cây rừng trong thời gian 05 ngày, theo hình thức phát trắng. Riêng N chỉ đi theo P phát rừng vào buổi sáng đến trưa thì về, còn P tiếp tục phát rừng đến chiều thì về nhà. Đối với những cây rừng có đường kính lớn, P dùng máy cưa để cắt hạ, rồi tiến hành phát dọn bìa ranh, gom cây rừng đợi khô sẽ đốt. Đến ngày 11/8/2020, Hạt Kiểm lâm huyện D phối hợp với UBND xã M, huyện D tiến hành, kiểm tra, phát hiện, lập biên bản.

Tại Kết luận giám định tư pháp số: 1057/KLGĐ-CCKL ngày 03/11/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Diện tích rừng bị chặt phá thuộc khoảnh 5, tiểu khu 67 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên là 10.100m^2, hiện trạng rừng tự nhiên nghèo kiệt, quy hoạch chức năng rừng sản xuất.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-ĐGTTHS ngày 12/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện D kết luận: Giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ phá rừng là 71.470.772 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 19/CT-VKSĐX ngày 26/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Đinh Văn P về tội: *"Hủy hoại rừng"* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Kết luận bị cáo Đinh Văn P phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*. Căn cứ vào nhân thân,

tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, Điều 54; Điều 65 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo P từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Văn P cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định, buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo P là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn nên không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo P phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền 71.470.772đ, bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 61.470.772đ. UBND xã M được nhận 10.000.000đ, khoản tiền bị cáo P đã nộp khắc phục, bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa lưỡi dài 56cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 26,5cm, nơi rộng nhất 03cm; phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 29,5cm, nơi rộng nhất 03cm; Tịch thu sung quỹ 01 máy cưa xăng cầm tay, không có lam và xích, màu cam đã qua sử dụng, nhãn hiệu không xác định.

Đối với La O Thị N: Có hành vi cùng với chồng là bị can Đinh Văn P chặt phá rừng sản xuất, với diện tích 10.100m^2. Hành vi của N đã có dấu hiệu của tội Huỷ hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua điều tra nhận thấy bản thân N là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, chỉ thực hiện theo yêu cầu của chồng. Xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của N gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện D áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật

Hình sự không xử lý hình sự đối với La O Thị N mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 5, tiểu khu 67 xã M, huyện D. Kết quả điều tra xác định giá trị thiệt hại dưới 100 triệu đồng và không có yếu tố định tội khác nên không cấu thành tội phạm.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về mặt tội danh cũng như về điều luật, các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã nêu tại bản Cáo trạng. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị HĐXX xét đến động cơ, mục đích phạm tội vì bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thiếu hiểu biết pháp luật nên có suy nghĩ phát rẫy ở khu rừng trước đây cha mẹ đã khai phá, nay đến khai phá để lấy đất sản xuất. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên thống nhất như đề nghị của Kiểm sát viên cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX thay đổi việc bồi thường thiệt hại bằng hình thức khác.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt; đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho UBND xã M theo quy định pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người có quyền lợi liên quan về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Do không có đất để canh tác nên khoảng tháng 8/2020, Đinh Văn P đã có hành vi cùng với vợ là La O Thị N đi đến khu rừng tại khoảnh 5, tiểu khu 67 do UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên quản lý dùng rựa, máy cưa chặt phá rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất, với diện tích 10.100m^2, gây thiệt hại 71.470.772 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân truy tố bị cáo Đinh Văn P về tội *"Hủy hoại rừng"* theo điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài nguyên rừng và chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái, có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống chung của xã hội, nên đối với bị cáo cần áp dụng một hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét cho bị cáo là người đồng bào thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; mục đích phá rừng là để lấy đất làm rẫy trồng lúa, trồng keo để cải thiện đời sống. Bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế nên không phân định được ranh giới các loại rừng, nghĩ rừng trước đây là của cha, mẹ đã phát dọn nay đến phát dọn để lấy đất sản xuất. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường thiệt hại; đại diện nguyên đơn dân sự cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng Điều 54 và Điều 65 BLHS không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, phù hợp với chính sách khoan hồng của Pháp luật Nhà nước ta đối với người đồng bào dân tộc thiểu số, sống nơi đặc biệt khó khăn. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đinh Văn P như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với La O Thị N: Có hành vi cùng với chồng là bị can Đinh Văn P chặt phá rừng sản xuất, với diện tích 10.100m^2. Hành vi của N đã có dấu hiệu của tội Huỷ hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua điều tra nhận thấy bản thân N là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, chỉ thực hiện theo yêu cầu của chồng, phát rừng theo tập tục để có đất sản xuất. Xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của N

gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện D áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với La O Thị N mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 5, tiểu khu 67 xã M, huyện D. Kết quả điều tra xác định giá trị rừng thiệt hại dưới 100 triệu đồng nên không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo Đinh Văn P phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền 71.470.772đ, bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ còn phải tiếp tục bồi thường cho UBND xã M số tiền 61.470.772đ. UBND xã M, huyện D được nhận 10.000.000đ khoản tiền bị cáo Đinh Văn P đã nộp khắc phục, bồi thường thiệt hại. Theo Phiếu Ủy nhiệm chi lập ngày 03/7/2023 giữa cơ quan Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa lưỡi dài 56cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 26,5cm, nơi rộng nhất 03cm; phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 29,5cm, nơi rộng nhất 03cm; Tịch thu sung quỹ 01 máy cưa xăng cầm tay, không có lam và xích, màu cam đã qua sử dụng, nhãn hiệu không xác định.

[6] Về án phí: Bị cáo Đinh Văn P thuộc diện hộ cận nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên xét miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn P phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn P 01(Một) năm, 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: "Hủy hoại rừng".

Giao bị cáo Đinh Văn P cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính

quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định, buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo Đinh Văn P phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên số tiền: 71.470.772đ, bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ. Bị cáo Đinh Văn P còn phải tiếp tục bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền: 61.470.772đ *(Sáu mươi mốt triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng).*

UBND xã M, huyện D được nhận 10.000.000đ, khoản tiền bị cáo Đinh Văn P đã nộp khắc phục, bồi thường thiệt hại. Theo Phiếu Ủy nhiệm chi lập ngày 03/7/2023 giữa cơ quan Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa lưỡi dài 56cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 26,5cm, nơi rộng nhất 03cm; phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 29,5cm, nơi rộng nhất 03c; Tịch thu sung quỹ 01 máy cưa xăng cầm tay, không có lam và xích, màu cam đã qua sử dụng, nhãn hiệu không xác định.

(Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện D và Chi cục THADS huyện D).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án

phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Đinh Văn P thuộc diện hộ cận nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên xét miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên (Phòng Kt-nv);
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;

Nguyễn Văn Long